

Bản án số: 437/2024/HC-PT
Ngày 28/12/2024.
*V/v khiếu kiện quyết định
xử phạt vi phạm hành chính.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán:

ông **Nguyễn Cường**

ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 343/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “**Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính**”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 152/2024/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2309/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà **Nguyễn Bích T** - sinh năm 1958;

Địa chỉ: **tổ dân phố Đ, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E;

Địa chỉ: **số C đường L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông **Nguyễn Thanh T1**; chức vụ: Phó Chủ tịch **UBND huyện E** (văn bản ủy quyền số 08/GUQ-UBND ngày 24/6/2024). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Công T2; chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tư pháp huyện Ea Súp. Có đơn xin vắng mặt.

3. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Nguyễn Bích T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi bà Nguyễn Bích T trình bày:*

Năm 2012, gia đình bà có mua gom cây gỗ khô, cháy xém của mọi người dân trên địa bàn huyện để về trồng cây tiêu ở trong thôn B, thuộc xã C, huyện E. Khi mua những cây gỗ to thì bà T thuê người xẻ nhỏ ra thành nhiều trụ nhỏ, còn đối với các trụ nhỏ thì gia đình bà để trồng luôn. Sau khi trồng cây tiêu được 03 năm thì số cây tiêu trồng bị chết hết và từ đó đến nay gia đình bỏ không số trụ tiêu trên ở rẫy, đến khoảng giữa tháng 3/2023 (bà T không nhớ thời gian cụ thể) thì có bà H1 ở trong thôn B, gần đám đất rẫy nhà bà T có hỏi mua số trụ tiêu trên, thấy số trụ tiêu đã bỏ không lâu ngày, có cây thì đã mục do môi ăn nên bà T đã đồng ý bán số trụ tiêu trên cho bà H1, số trụ tiêu bán cho bà H1, bà không đếm nhưng khoảng hơn 200 trụ. Sau đó, bà H1 chuyển tiền cho bà. Khi đã bán số trụ tiêu trên cho bà H1 thì bà H1 lấy số trụ tiêu trên lúc nào và mang đi đâu, làm gì thì bà không rõ. Sau khi bà bán số trụ tiêu trên cho bà H1 được khoảng 1 tháng thì Công an huyện E có mời bà đến trụ sở Công an huyện E làm việc 02 lần. Cả 02 lần bà T lên Công an huyện E làm việc về nội dung sự việc bà bán số trụ tiêu trên cho bà H1 ở trong thôn B. Khi bà đến làm việc thì cán bộ Công an tên là D có đánh máy mấy bản giấy, sau đó đưa cho bà và nói bà ký vào đây. Tin tưởng người làm việc là cán bộ Công an huyện thì bà ký vào những Biên bản trên, những chỗ ông D chỉ ký, các Biên bản trên ông D không có đưa cho bà đọc và cũng không có đọc cho bà nghe. Sau khi làm việc xong cũng không đưa cho bà giữ một Biên bản nào cả, nên bà không biết là ký vào những biên bản gì và trong những Biên bản đó viết những nội dung gì. Đến ngày 01/6/2023, Công an huyện E thông báo bà lên nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E đối với bản thân bà là Nguyễn Bích T, phạt bà với số tiền 80.000.000đồng về hành vi ngày 03/4/2023, tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, bà Hoàng Thị H, sinh năm 1980, cư trú ở thôn G, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và bà Nguyễn Bích T có hành vi mua, bán 12.23m³ gỗ, chủng loại cà chít, nhóm III, không có hồ sơ lâm sản hợp pháp.

Ngày 04/6/2023, bà có Đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E để khiếu nại liên quan đến việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E ra Quyết

định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 đối với bà. Đến ngày 27/9/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E ra Quyết định số 3798/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối, tại quyết định trên cho rằng nội dung đơn khiếu nại ngày 04/6/2023 của bà là không có cơ sở và khiếu kiện sai.

Ngày 20/10/2023, bà có Đơn khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E. Đến ngày 15/3/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân T ra Quyết định số 773/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu, tại quyết định trên đã cho rằng nội dung đơn khiếu nại ngày 20/10/2023 của bà là không có cơ sở, khiếu kiện sai.

Bà không đồng ý với Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại đối với bà, nên ngày 12/4/2024 bà đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án xem xét giải quyết đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/05/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, vì Biên bản vi phạm hành chính số 146/BB-VPHC ngày 26/4/2023 mà Công an huyện E lập đối với bà sai nhiều nội dung theo quy định tại Điều 58 của Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội, về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, với các lý do:

- Trong 02 lần bà đến Công an huyện E làm việc thì cả 02 lần bà đều làm việc với ông D, cán bộ Công an huyện E một mình, không có cán bộ Công an nào khác làm việc với bà và không có người nào chứng kiến nội dung 02 buổi bà làm việc với cán bộ Dự cả. Vì vậy, tại Biên bản vi phạm hành chính số 146/BB-VPHC ngày 26/4/2023 mà Công an huyện E lập đối với bà có tên và chữ ký của cán bộ Hồ Phạm Kỳ người lập biên bản và ông Trần Văn K ở Buôn C, thị trấn E là người chứng kiến là không đúng.

- Biên bản vi phạm hành chính tại phần thông tin người vi phạm ghi là Nguyễn Bích T; giới tính N, còn thực tế bà T là Nguyễn Bích T; giới tính Nữ.

- Về thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm của bà tại Biên bản vi phạm hành chính mà Công an huyện lập không thể hiện nội dung trên (theo điểm c khoản 3 Điều 58 của Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính nội dung trên bắt buộc phải thể hiện).

- Việc mô tả hành vi vi phạm của bà trong Biên bản vi phạm hành chính là không đúng.

- Tại mục 9 của Biên bản vi phạm hành chính ghi tạm giữ tang vật, phương tiện để xác định chủng loại, khối lượng lâm sản đối với bà là không đúng, Công an huyện E không có tạm giữ tang vật, phương tiện gì của bà cả.

- Tại mục 10 phần quyền và thời hạn giải trình của Biên bản vi phạm hành chính lập ghi “Bà Nguyễn Bích T là cá nhân vi phạm có quyền gửi văn bản giải trình đến Trưởng Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk để thực hiện quyền giải trình là sai. Vì theo quy định văn bản giải trình phải được gửi đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, chứ không phải là Trưởng Công an huyện E.

- Tại mục 11 của Biên bản vi phạm hành chính ghi bà Nguyễn Bích T là cá nhân vi phạm có mặt vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 28/4/2022, tại Công an huyện E để giải quyết vụ việc ở đây ghi sai năm.

- Ngày 26/4/2023, Công an huyện E lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà. Tuy nhiên, đến ngày 19/5/2023 Công an huyện E mới có Công văn số 605/CAH-KT về việc đề nghị xử phạt vi phạm hành chính gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E là vi phạm khoản 5 Điều 58 Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E tại phần đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính đối với bà tại khoản 2 Điều 1 không đúng với bản chất của vụ việc, giữa bà với bà Hoàng Thị H không có thông qua người trung gian nào mua bán số trụ tiêu gỗ trên cả.

Với nhiều nội dung sai phạm ở Biên bản vi phạm hành chính và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được lập đối với bà T như trên. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét tuyên hủy toàn bộ nội dung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E đối với bà Nguyễn Bích T.

** Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E là ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:*

Ngày 03/4/2023, tại thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, Công an huyện E phát hiện ông Nguyễn Tuấn K1 (sinh năm 1995, trú tại phường A, TP., tỉnh Đồng Tháp) là tài xế lái xe ô tô biển số 66C-124.84, trên thùng xe có xếp các trụ gỗ (trụ để trồng cây tiêu, chưa xác định chủng loại, khối lượng). Qua làm việc, ông K1 không xuất trình được hồ sơ, giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của số trụ gỗ nói trên.

Quá trình xác minh xác định: khoảng đầu tháng 4/2023, bà Nguyễn Bích T (tên thường gọi là “Mòong”, sinh năm 1958, trú tại T, thị trấn E, huyện E) bán khoảng hơn 200 trụ gỗ trồng tiêu tại rẫy của bà T ở thôn B, xã C, huyện E cho bà Đinh Thị H1 (sinh năm 1982, trú tại thôn B, xã C, huyện E). Bà H1 sau đó giới thiệu cho Lý Văn C (sinh năm 1990, trú tại thôn D, xã E, huyện E) mua số trụ gỗ trồng tiêu này. Lý Văn C tiếp tục giới thiệu cho bà Hoàng Thị H (sinh năm 1980, trú tại thôn G, xã E, huyện E) đến xem và mua lại toàn bộ số trụ gỗ nói trên của bà T. Đến ngày 03/4/2023, bà H thuê người nhỏ trụ gỗ tại vườn rẫy nhà bà T rồi thuê Nguyễn Tuấn K1 điều khiển xe ô tô biển số 66C-124.84 đến tại thôn B, xã C, huyện E để bốc xếp trụ gỗ lên thùng xe ô tô biển số 66C-124.84 vận chuyển đến tỉnh Đắk Nông bán. K1 đồng ý và để cho bà H bốc xếp được 275 trụ gỗ lên thùng xe ô tô biển số 66C-124.84 thì bị Công an huyện E phát hiện, kiểm tra. Nguồn gốc số trụ gỗ nói trên là do bà T trước đây mua lại của người dân địa phương đi lấy trong rừng về để trồng cây tiêu, vì trồng tiêu không đạt hiệu quả nên bà T bán số trụ này để canh tác cây trồng khác.

Trung cầu Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ giám định chủng loại, khối lượng lâm sản trên thùng xe ô tô biển số 66C-124.84, xác định gồm có 275 thanh gỗ xẻ, hình thù phức tạp, cong queo, tổng khối lượng là 12,230m³, chủng loại Cà chít, nhóm III.

Ngày 29/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC đối với bà Nguyễn Bích T về hành vi mua, bán lâm sản trái pháp luật, quy định tại điểm d khoản 5 Điều 23 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2022.

Căn cứ các nội dung xác minh trong hồ sơ cho thấy: việc bà T cho rằng toàn bộ nội dung vi phạm trong Biên bản vi phạm hành chính và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T là hoàn toàn sai không đúng sự thật với nội dung vụ việc, là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 152/2024/HC-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 6 Điều 58, Điều 59, điểm b, c khoản 1 Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020; Điều 27 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 18 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Bích T** về việc: hủy Quyết định số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 của Chủ tịch **UBND huyện E** về phần xử phạt vi phạm hành chính đối với bà **Nguyễn Bích T**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/9/2024, bà **Nguyễn Bích T** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị Tòa án huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 của Chủ tịch **UBND huyện E** về phần xử phạt đối với bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà **Nguyễn Bích T** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà **Nguyễn Bích T**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện - ông **Nguyễn Thanh T1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông **Nguyễn Công T2** có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng Hành chính tiến hành xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật

Tổ tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện bà **Nguyễn Bích T** với nội dung: đề nghị Toà án huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 của Chủ tịch **UBND huyện E** về phần xử phạt đối với bà, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định: ngày 03/4/2023, tại **thôn B, xã C, huyện E, Công an huyện E** phát hiện ông **Nguyễn Tuấn K1** là tài xế lái xe ô tô biển số 66C-124.84, trên thùng xe có xếp các trụ gỗ (trụ để trồng cây tiêu, chưa xác định chủng loại, khối lượng). Ông **K1** không xuất trình được hồ sơ, giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của số trụ gỗ nói trên nên **Công an huyện E** lập biên bản làm việc với ông **K1**. Ngày 24/4/2023, **Chi Cục kiểm lâm tỉnh Đ** ban hành Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp đối với chủng loại, nhóm, khối lượng của số trụ gỗ này và ngày 26/4/2023, **Công an huyện E** lập Biên bản vi phạm hành chính đối với bà **Nguyễn Bích T** là đúng thời hạn quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Sau đó, **Công an huyện E** chuyển hồ sơ vụ việc cho Chủ tịch **UBND huyện E** để giải quyết. Ngày 29/5/2023, Chủ tịch **UBND huyện E** ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC đối với bà **Nguyễn Bích T** là đúng thời hạn và đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020; khoản 2 Điều 27 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 18 Điều 1 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

[2.2] Tại biên bản làm việc ngày 10/4/2023, bà **Hoàng Thị H** trình bày: “Tôi có quen một người trên mạng xã hội Facebook, tên tài khoản là “Chai Ly” (tôi không rõ nhân thân, lai lịch người này), người này giới thiệu tôi đến **thôn B, xã C, huyện E** để mua trụ gỗ trồng cây tiêu (trụ đã qua sử dụng) của người tên “Mòn” (tôi không rõ nhân thân, lai lịch) với giá là 65.000đồng/01 trụ để bán lại kiếm lời. Ngày 03/4/2023, tôi thuê một số người đến vườn nhà bà “Mòn” nhổ trụ, xếp thành đống rồi thuê xe ô tô tải biển số 66C-124.84 do ông **Nguyễn Tuấn K1** (sinh năm 1995, trú tại tỉnh Đồng Tháp) điều khiển để vận chuyển đến tỉnh Đắk Nông bán. Tôi vẫn nhớ địa điểm mua số trụ gỗ trồng tiêu nói trên”. Cũng tại các biên bản làm việc ngày 24/4/2023, bà **Đinh Thị H1** và ông **Lý Văn C** đều khẳng định: bà **H1** giới thiệu cho ông **C** mua trụ gỗ của bà **T**, ông **C** giới thiệu tiếp cho bà **H**; số trụ gỗ trồng tiêu này có trên đất rẫy của bà **T** và có việc mua, bán trụ gỗ trồng tiêu trên đất rẫy nhà bà **T** thuộc **thôn B, xã C, huyện E** vào cuối

tháng 3/2023. Mặt khác, tại Báo cáo số 37/BC-SNN ngày 07/02/2024 của **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ** về kết quả xác minh nội dung khiếu nại thể hiện: qua làm việc giữa bà **Nguyễn Bích T** (bà **M**) và bà **Hoàng Thị H** để đối thoại một số nội dung có liên quan đến khiếu nại thì cả hai đều khẳng định là không quen biết nhau, chưa gặp mặt nhau lần nào và cũng chưa trao đổi thông tin hay mua bán gì với nhau. Bà **T** đã chỉ cho **T3** xác minh địa điểm rẫy của bà - là nơi mà bà đã bán trụ tiêu tại **thôn B** (tại toạ độ: X 449524; Y 1447167). Bà **Hoàng Thị H** cũng chỉ cho **Tổ** xác minh vị trí rẫy mà bà đã mua trụ tiêu. Qua đối chiếu thì vị trí rẫy bà **H** chỉ trùng với địa điểm rẫy của bà **T** đã bán trụ tiêu (có cùng địa chỉ và toạ độ nêu trên). Bà **T** cũng xác nhận với **Tổ** xác minh vị trí rẫy mà bà **H** đã mua trụ tiêu là rẫy của bà **T**. Ngoài ra, bà **H** còn khẳng định số trụ tiêu vận chuyển trên xe ô tô biển kiểm soát 66C-124.84 bị **Công an huyện E** bắt giữ ngày 03/4/2023 tại **thôn B** là số trụ tiêu do bà mua và nhả tại rẫy của bà **T**, bà không mua thêm của ai khác. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định toàn bộ số gỗ trên có nguồn gốc do bà **Hoàng Thị H** thông qua những người trung gian mua của bà **Nguyễn Bích T** và thuê **Nguyễn Tuấn K1** vận chuyển thì bị **Công an huyện E** bắt quả tang và lập biên bản. Bà **T** cũng xác định số gỗ trụ tiêu của gia đình bà do bà mua của người dân địa phương họ đi vào rừng lấy về, không xác định được chủng loại gỗ và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến chủng loại gỗ. Như vậy, bà **T** đã có hành vi mua, bán 12,230m³ gỗ, chủng loại Cà chít, nhóm III, không có hồ sơ hợp pháp. Hành vi của bà **T** đã vi phạm vào điểm d khoản 5 Điều 23 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Vì vậy, Chủ tịch **UBND huyện E** ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 về phần xử phạt vi phạm hành chính đối với bà **T** là có cơ sở.

[2.3] Bà **T** cho rằng Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực lâm nghiệp ngày 26/4/2023 vi phạm về hình thức và nội dung nhưng bà **T** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là vi phạm. Đối với một số nội dung sai sót về kỹ thuật soạn thảo tại Quyết định số 1853 nêu trên thì ngày 14/11/2023, Chủ tịch **UBND huyện E** đã ban hành Quyết định đính chính số 4229/QĐ-UB là đúng quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020, Điều 14 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà **T** là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội

đồng xét xử bác kháng cáo của bà **T** như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra bà **Nguyễn Bích T** phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, bà **T** là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà **Nguyễn Bích T** và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 152/2024/HC-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 6 Điều 58, Điều 59, điểm b, c khoản 1 Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020; Điều 27 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 18 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; điểm a khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Bích T** về việc: hủy Quyết định số 1853/QĐ-XPHC ngày 29/5/2023 của Chủ tịch **UBND huyện E** về phân xử phạt vi phạm hành chính đối với bà **Nguyễn Bích T**.

2. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà **Nguyễn Bích T**.

3. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* *Nơi nhận:*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự, người bảo vệ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Kim Liên

